

Số: 08/QĐ-UBND

Hà Thượng, ngày 10 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Hà Thượng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HÀ THƯỢNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 30/12/2021 của Hội đồng nhân dân xã Hà Thượng về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Ban tài chính xã,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của UBND xã Hà Thượng (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Hà Thượng, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Tạc Văn Lợi**

## CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<b>TỔNG SỐ THU</b>	<b>5.875.268</b>	<b>TỔNG SỐ CHI</b>	<b>5.875.268</b>
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	472.000	I. Chi đầu tư phát triển	0
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ <sup>(1)</sup>		II. Chi thường xuyên	5.273.785
III. Thu bổ sung	4.974.978	III. Dự phòng	105.000
- Bổ sung cân đối	4.974.978	IV. Nguồn CCTL	428.290
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn CCTL năm 2021 chuyển sang	428.290	V. Tiếp kiệm chi	68.193

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

## DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	<b>TỔNG THU</b>	<b>5.875.268</b>	<b>5.875.268</b>
<b>I</b>	<b>Các khoản thu 100%</b>	<b>213.000</b>	<b>213.000</b>
	Phí, lệ phí	63.000	63.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	150.000	150.000
<b>II</b>	<b>Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</b>	<b>687.000</b>	<b>687.000</b>
1	Các khoản thu phân chia	259.000	259.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
	- Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	155.000	155.000
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		0
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	104.000	104.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	428.000	0
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	351.000	0
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	77.000	0
	-		
	...		
<b>III</b>	<b>Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</b>		
<b>IV</b>	<b>Thu chuyển nguồn</b>	428.290	428.290
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách năm trước</b>		
<b>VI</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>4.974.978</b>	<b>4.974.978</b>
	- Thu bổ sung cân đối	4.974.978	4.974.978
	- Thu bổ sung có mục tiêu		
<b>VII</b>	<b>Thu quản lý qua ngân sách</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị: đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	<b>TỔNG CHI</b>	<b>5.875.268.000</b>	<b>0</b>	<b>5.875.268.000</b>
	Trong đó			
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>5.399.421.000</b>		<b>5.399.421.000</b>
1	Chi giáo dục	5.000.000		5.000.000
2	Chi thủy lợi			
3	Chi y tế	53.640.000		53.640.000
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500.000		31.500.000
5	Chi sự nghiệp xã hội	232.721.000		232.721.000
6	Chi thể dục thể thao	22.500.000		22.500.000
7	Chi quốc phòng an ninh	1.139.804.000		1.139.804.000
8	Chi các hoạt động kinh tế			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.731.158.000		3.731.158.000
10	Chi cho ngành đặc thù	183.098.000		183.098.000
<b>III</b>	<b>Tiết kiệm chi 10%</b>	<b>68.193.000</b>		<b>68.193.000</b>
<b>IV</b>	<b>Chi cải cách tiền lương</b>	<b>428.290</b>		<b>428.290</b>
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>105.000.000</b>		<b>105.000.000</b>

## KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2022

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2022 (năm hiện hành)			KẾ HOẠCH NĂM 2023		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<b>TỔNG SỐ</b>	<b>167.641</b>	<b>87.586</b>	<b>80.055</b>	<b>85.628</b>	<b>82.826</b>	<b>2.802</b>
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	167.641	87.586	80.055	85.628	82.826	2.802
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	27.520	12.676	14.844	9.958	7.156	2.802
Quỹ bảo trợ trẻ em	14.270	14.260	10	14.270	14.270	0
Quỹ vì người nghèo	59.196	16.300	42.896	24.870	24.870	0
Quỹ nhân đạo	44.085	23.000	21.085	13.960	13.960	0
Quỹ khác			0			
Quỹ hội người cao tuổi	22.570	21.350	1.220	22.570	22.570	0
Quỹ khuyến học						
2. Các hoạt động sự nghiệp						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						
...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

**UBND XÃ HÀ THƯỢNG**

Biểu số 111/CK TC-NSNN

**DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN<sup>(1)</sup> NĂM 2022**

Đơn vị: 1000 đồng



Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2022	Tổng số	Dự toán năm 2022	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân				Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn
TỔNG SỐ								
1. Công trình chuyển tiếp		654.417	0	560.417	560.417	94.000	0	94.000
Trong đó: hoàn thành trong năm								
Đường vào khu tập kết rác thải xã HT	2022	654.417		560.417	560.417	94.000		94.000
2. Công trình khởi công mới								
-								
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

**CÔNG KHAI THUYẾT MINH**

**Dự toán ngân sách xã Hà Thượng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 ;*

*Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Thông tư 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Bộ Tài Chính hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước năm 2023-2025;*

*Căn cứ công văn số 3077/CV-STC ngày 19/8/2022 của Sở Tài chính Thái Nguyên về việc hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách năm 2022*

*Trên cơ sở biên bản thảo luận kế hoạch thu chi ngân sách năm 2022 giữa Phòng Tài chính - Kế hoạch, Chi cục Thuế Đại Từ và UBND xã Hà Thượng;*

UBND xã Hà Thượng thuyết minh dự toán ngân sách xã Hà Thượng năm 2023 trình hội đồng nhân dân cấp xã như sau:

**1. Thu ngân sách:**

Căn cứ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội do Nghị quyết ĐH Đảng bộ xã Hà Thượng nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra, trên cơ sở số thực hiện 11 tháng, ước thực hiện cả năm 2021 và dự báo các nguồn thu năm 2022 để tính toán cụ thể các yếu tố tăng, giảm do thực hiện các văn bản Pháp luật liên quan ban hành để xây dựng dự toán thu năm 2022.

Dự toán thu cân đối trên địa bàn xã Hà Thượng đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu. Năm 2022 tăng trưởng giảm 175 triệu đồng so với năm 2021.

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022**

**Đơn vị: đồng**

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	<b>TỔNG THU (I+II+...VI)</b>	<b>5.875.268.000</b>	<b>5.875.268.000</b>
<b>I</b>	<b>Thu ngoài quốc doanh</b>	<b>155.000.000</b>	<b>155.000.000</b>

	Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	155.000.000	155.000.000
<b>II</b>	<b>Phí-Lệ phí</b>	<b>63.000.000</b>	<b>63.000.000</b>
1	Phí môn bài	33.000.000	33.000.000
2	Lệ phí chứng thư	30.000.000	30.000.000
<b>III</b>	<b>Thuế thu nhập cá nhân</b>	<b>428.000.000</b>	
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	351.000.000	
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	77.000.000	
<b>IV</b>	<b>Lệ phí trước bạ nhà đất</b>	<b>104.000.000</b>	<b>104.000.000</b>
<b>V</b>	<b>Thu khác tại xã</b>	<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>
<b>VI</b>	<b>Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương</b>	<b>428.290.000</b>	<b>428.290.000</b>
<b>VII</b>	<b>Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên</b>	<b>5.875.268.000</b>	<b>5.875.268.000</b>
	- Thu trợ cấp cân đối	5.875.268.000	5.875.268.000

## 2. Chi ngân sách.

Xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2022 phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi và theo chế độ tài chính hiện hành của nhà nước và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2025. Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khi xác định nhiệm vụ chi và dự toán chi, đảm bảo công khai, minh bạch. Chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng, đáp ứng yêu cầu, theo chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cụ thể:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Phân bổ theo nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư xây dựng năm 2022, khi nào có quyết định giao vốn sẽ bổ sung kế hoạch vốn theo quy định.

2.2. Chi thường xuyên: Năm 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách do vậy định mức chi thường xuyên thực hiện theo mức phân bổ năm 2022, ngoài ra bổ sung thêm một số chính sách do HĐND tỉnh ban hành (Chi thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, đề án 06, Chi hỗ trợ may trang phục HĐND, Chi bồi dưỡng công việc của xóm....) cụ thể một số chỉ tiêu như sau :

Chi ngân sách cấp xã theo định mức 105.000.000đ/ biên chế/ năm.

Ban thanh tra ND: 5.000.000 đ/ năm; BGS đầu tư cộng đồng: 10.000.000 đ/ năm.

Hoạt động của khu dân cư: 5.000.000đ/KDC/năm; BCD toàn dân ĐK XD ĐSVH ở KDC, Kinh phí Toàn dân đoàn kết XD đời sống VH đô thị văn minh: 25.000.000 đ/năm.



Chi khác đoàn thể 10.000.000đ/đoàn thể/năm, riêng MTTQ phân bổ 12.000.000đ/năm.

Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 35.000.000đ/ năm; sự nghiệp thể dục thể thao: 25.000.000đ/năm

Chi An ninh, Quốc phòng 75.000.000đ/ năm.

Chi sự nghiệp kinh tế: 35.000.000đ/năm.

Chi thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, đề án 06: 50.000.000 đ; Chi hỗ trợ may trang phục HĐND: 57.500.000 đồng. Chi bồi dưỡng công việc của xóm: 148.000.000đ/năm

Các chế độ chính sách khác nhà nước quy định như: chi thâm niên quân sự, phụ cấp HĐND, Phụ cấp cấp uỷ, hưu xã, dân quân tự vệ, phụ cấp nhân viên y tế xóm và các khoản lương, phụ cấp khác...giao theo thực tế.

*(Các ngành sẽ thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên số tiền trên để đảm bảo cho việc cải cách tiền lương, tiết kiệm chi thường xuyên không bao gồm lương và các khoản phụ cấp)*

### DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2022
<b>Tổng chi ngân sách xã (I+II+III+IV)</b>	<b>5.875.269.000</b>
<b>I/ Chi đầu tư phát triển</b>	
+ Chi đầu tư XD CB	
+ Chi đầu tư phát triển khác	
<b>II/ Chi thường xuyên (1+...11)</b>	<b>5.875.269.000</b>
<b>1. Chi Quốc phòng - an ninh</b>	<b>1.139.804.000</b>
<b>* Chi dân quân tự vệ</b>	<b>574.448.000</b>
- Lương, phụ cấp	539.448.000
- Chi hoạt động	35.000.000
- Chi huấn luyện dân quân (82)	114.849.000
<b>* Chi an ninh trật tự</b>	<b>309.522.000</b>
- Lương, phụ cấp, dân phòng	250.722.000
- Chi hoạt động	58.800.000
<b>2. Sự nghiệp giáo dục</b>	
<b>3. Sự nghiệp y tế</b>	<b>69.732.000</b>
<b>4. Sự nghiệp văn hóa thông tin, truyền thanh</b>	<b>31.500.000</b>
<b>5. Sự nghiệp thể dục thể thao</b>	<b>22.500.000</b>

<b>6. Sự nghiệp kinh tế</b>	<b>31.500.000</b>
- Sự nghiệp giao thông	
- Sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi	
- Sự nghiệp khác	31.500.000
<b>7. Sự nghiệp môi trường</b>	
<b>8. Chi sự nghiệp xã hội</b>	<b>246.905.000</b>
- Chi trợ cấp hưu xã	246.905.000
- Chi khác xã hội	0
<b>9. Chi quản lý NN, Đảng, ĐThế</b>	<b>4.669.838.000</b>
<b>* Ủy ban nhân dân</b>	<b>2.333.364.000</b>
- Lương, phụ cấp	1.983.017.400
- Hỗ trợ xóm	148.000.000
- Chi hoạt động QLNN	286.972.000
- Hỗ trợ đội thanh niên tình nguyện	24.000.000
<b>* Hội đồng nhân dân</b>	<b>309.220.000</b>
- Lương, phụ cấp	259.220.000
- Chi hoạt động, tiền quân áo HĐND	50.000.000
<b>* Đảng cộng sản Việt Nam</b>	<b>839.571.904</b>
- Lương, phụ cấp	689.571.904
- Chi hoạt động	150.000.000
<b>* Mặt trận tổ quốc Việt Nam</b>	<b>258.550.000</b>
- Lương, phụ cấp	143.000.000
- Chi PC MT xóm	120.008.000
- Chi hoạt động của UBMTTQ	12.000.000
- Chi Ban thanh tra nhân dân	5.000.000
- Chi Ban giám sát cộng đồng	10.000.000
- Chi các cụm dân cư, BCD	110.000.000
<b>* Đoàn T Niên CS HCM</b>	<b>138.556.560</b>
- Lương, phụ cấp	128.556.560
- Chi hoạt động	10.000.000
<b>* Hội Phụ nữ Việt Nam</b>	<b>150.530.928</b>
- Lương, phụ cấp	140.530.928
- Chi hoạt động	10.000.000
<b>* Hội Cựu chiến binh</b>	<b>129.120.000</b>
- Lương, phụ cấp	119.120.000
- Chi hoạt động	10.000.000
<b>* Hội Nông dân Việt Nam</b>	<b>137.120.000</b>

- Lương, phụ cấp	110.120.000
- Chi hoạt động	27.000.000
<b>* Hội Chữ thập đỏ (824-362)</b>	<b>27.604.800</b>
- Phụ cấp bao gồm cả chi hội cơ sở	27.604.800
<b>* Hội Người cao tuổi (825-362)</b>	<b>63.180.800</b>
- Phụ cấp bao gồm cả chi hội cơ sở	29.680.800
- Mừng thọ	33.500.000
<b>* Hội Khuyến Học (826-362)</b>	<b>16.092.000</b>
- Phụ cấp	16.092.000
<b>* Hội Thanh niên XP (811-362)</b>	<b>16.092.000</b>
- Phụ cấp	16.092.000
<b>* Hội Đa cam (814-362)</b>	<b>16.092.000</b>
- Phụ cấp	16.092.000
<b>* Hội Đông Y (989-362)</b>	<b>16.092.000</b>
- Phụ cấp	16.092.000
<b>10. Chi khác ngân sách</b>	
<b>III. Dự phòng</b>	<b>105.000.000</b>
<b>IV. Tiết kiệm 10%</b>	<b>68.193.000</b>
<b>V. Chuyển nguồn CCTL chuyển sang</b>	<b>428.290.000</b>

Trên đây là thuyết minh dự toán ngân sách xã Hà Thượng năm 2022 trình hội đồng nhân dân cấp xã.

**Nơi nhận:**

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- ĐU, HĐND (b/c)
- UBNDTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Lưu VP.

**CHỦ TỊCH**



**Tạc Văn Lợi**

